

Số: TVHD-11/DBQG

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 30/11/ 2025)

1. Lưu vực sông Hồng

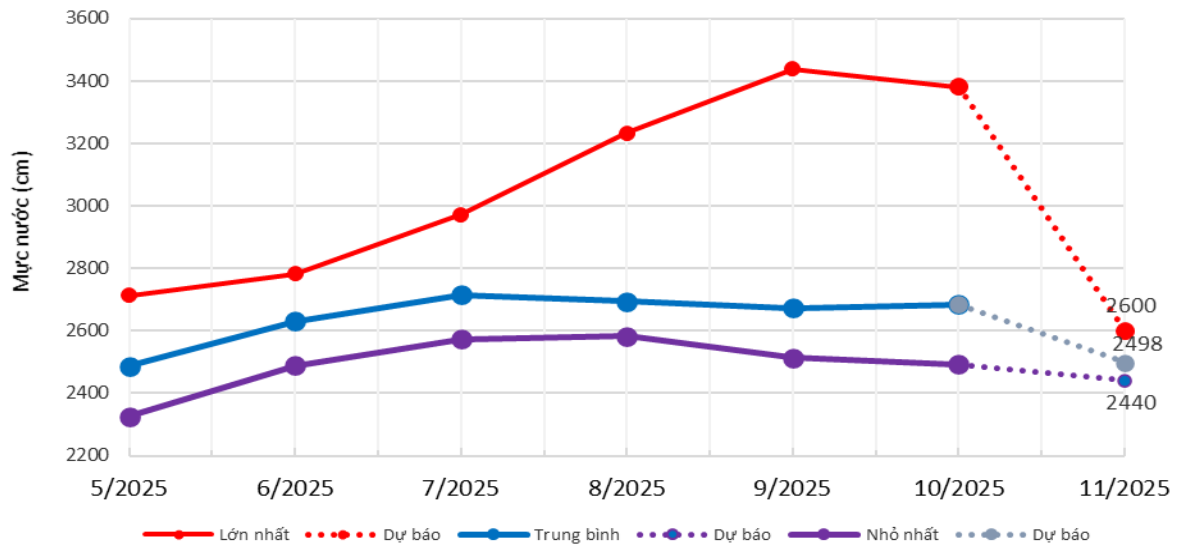
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong tháng 10, trên sông Thao đã xuất hiện 1 đợt lũ bắt đầu từ ngày 29/09 đến ngày 1/10, mực nước đỉnh lũ tại trạm Yên Bái đạt 34,39m lúc 11h/30/09, trên BĐ3 là 2,39m; những ngày sau đó mực nước xuống nhanh; giai đoạn cuối tháng mực nước trên sông Thao biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong tháng 10, Trên sông Lô, mực nước các sông có xuất hiện lũ ở thời kỳ đầu sau đó giảm và biến đổi chậm ở thời kỳ cuối. Trong đó có 01 đợt lũ với mực nước lớn nhất tại trạm Tuyên Quang là 26,34m lúc 4h/02/10, trên BĐ3 0,34m, mực nước đỉnh lũ tại trạm Vụ Quang là 19,73m lúc 9h ngày 2/10, trên BĐ3 0.23m.
- Sông Đà: Trong tháng 10, dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xuất hiện lũ ở thời kỳ đầu sau đó giảm và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên. Trong đó đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình là 7082m³/s (lúc 22h/6/10), dưới BĐ1 918 m³/s.
- Sông Hồng: Trong tháng 10: Từ ngày 29/9-2/10 đã xảy ra 01 trận lũ trên sông Thao, sông Lô và hạ lưu sông Hồng. Đỉnh lũ hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đạt 9,56m (22h ngày 01/10) trên BĐ1 là 0,06m do mưa lớn trên lưu vực và các hồ thủy điện tuyến trên tăng cường điều tiết mở cửa xả (hồ Hòa Bình đã mở 02, hồ Tuyên Quang mở 08 và hồ Thác Bà mở 03 cửa xả). Sau thời kỳ lũ này, mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm với xu thế xuống.

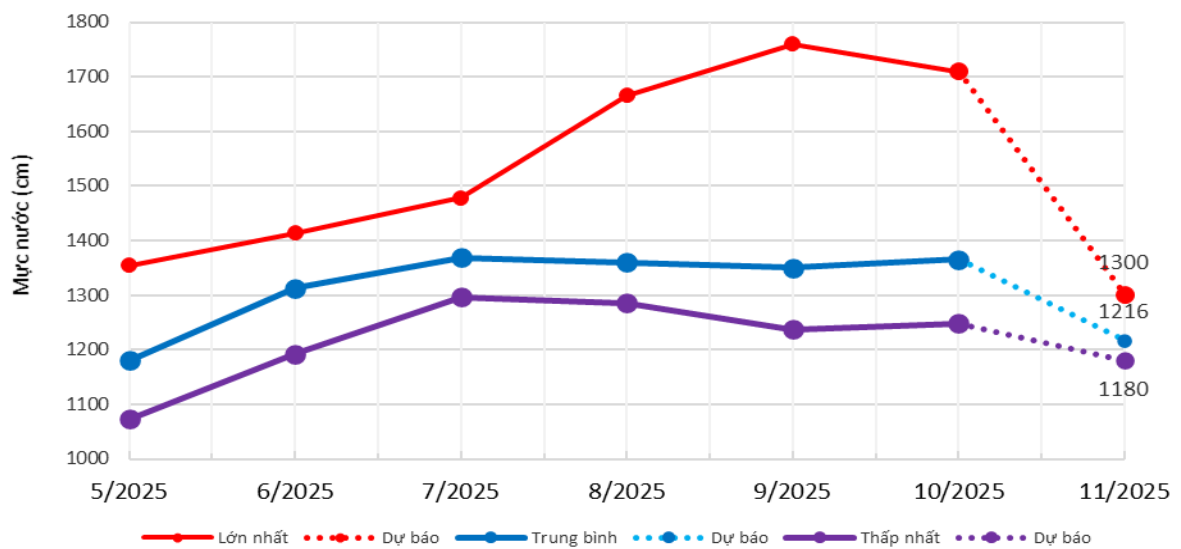
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong tháng 11, trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong tháng 11, mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Tháng 11, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên theo xu thế giảm dần.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng tới biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều và điều tiết các thủy điện tuyến trên.

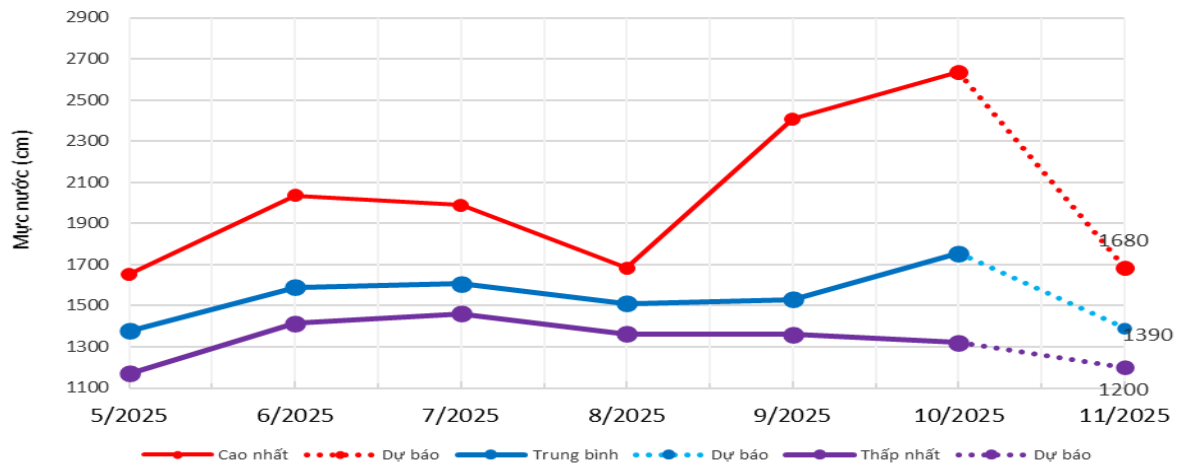
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)

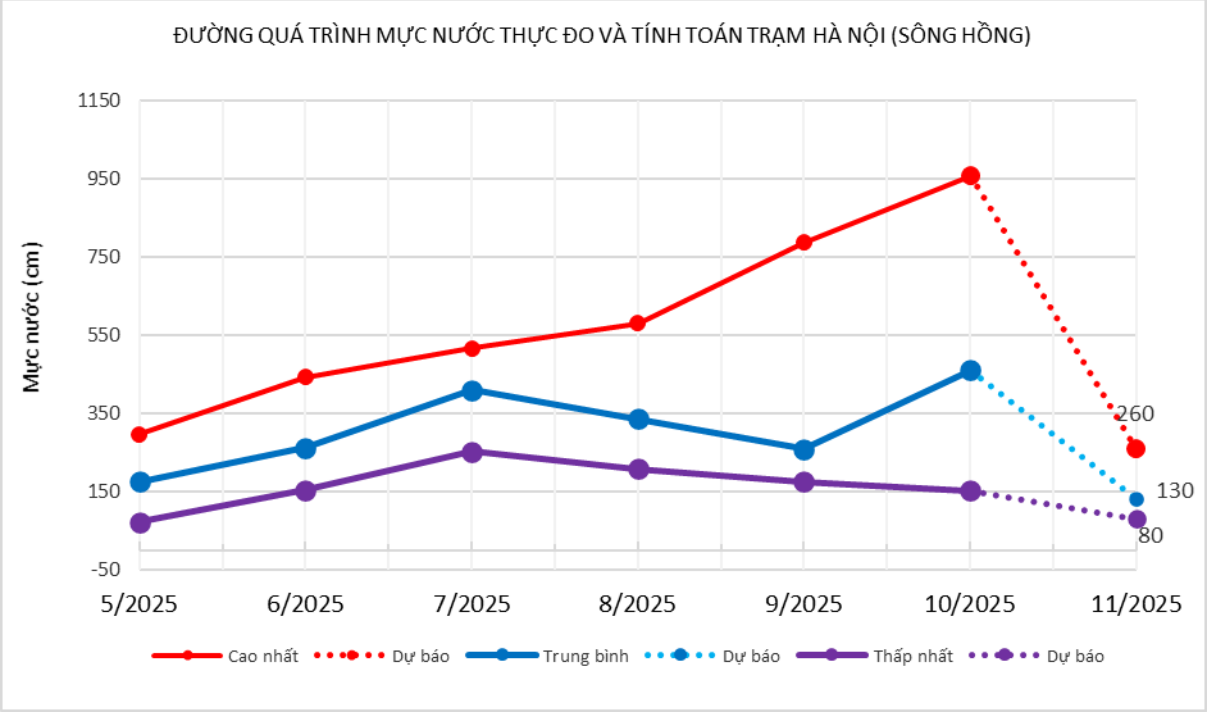
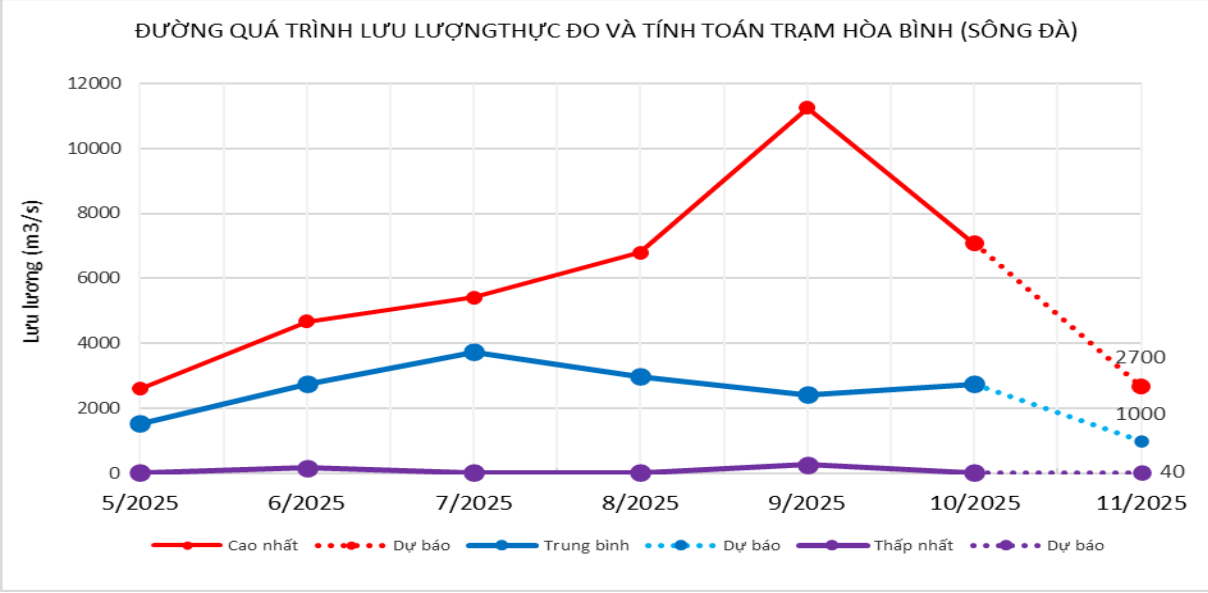
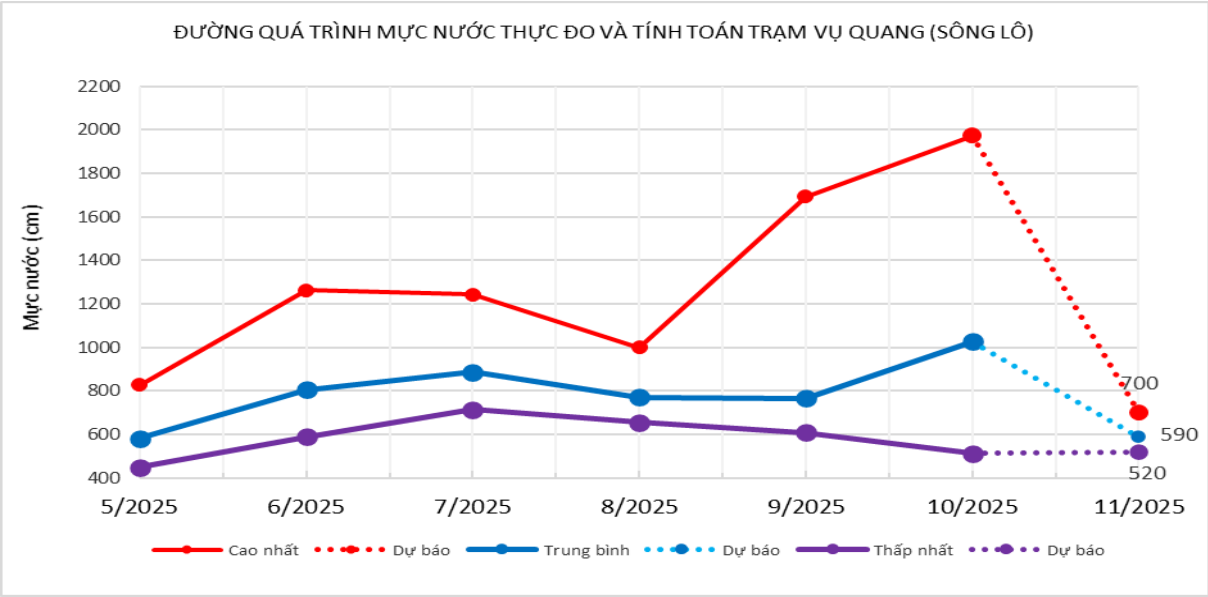


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)





2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

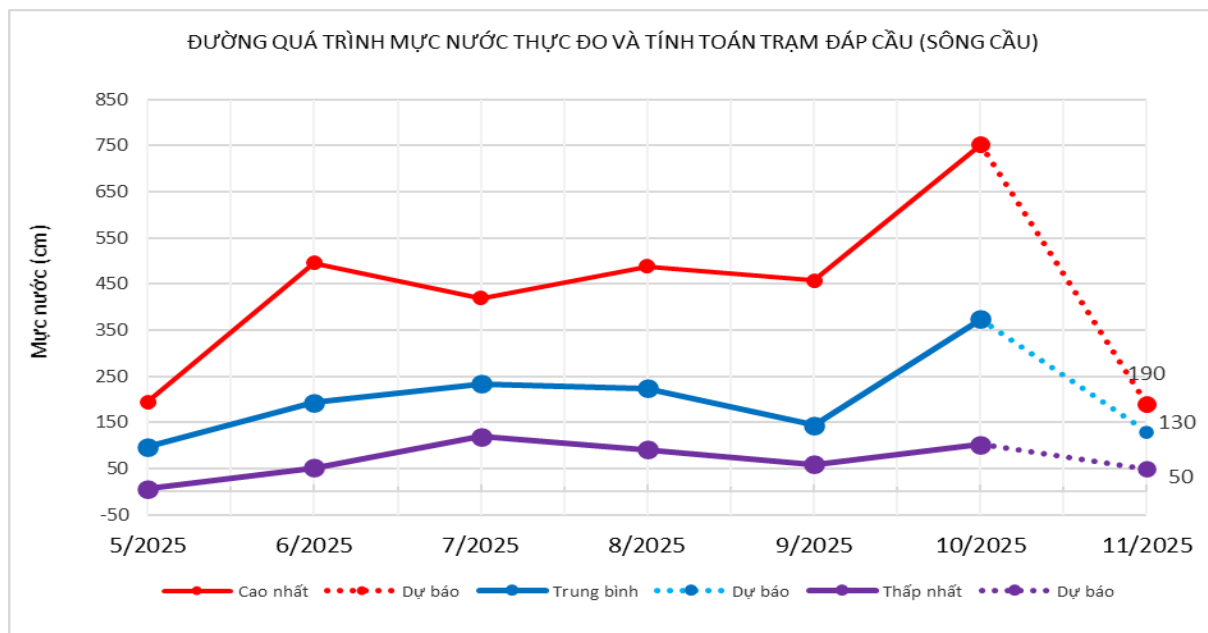
Từ cuối tháng 9 sang nửa đầu tháng 10, trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện 02 đợt lũ lớn và đặc biệt lớn, nửa cuối tháng 10 mực nước các sông biến đổi theo xu thế xuống. Chi tiết các trận lũ lớn như sau:

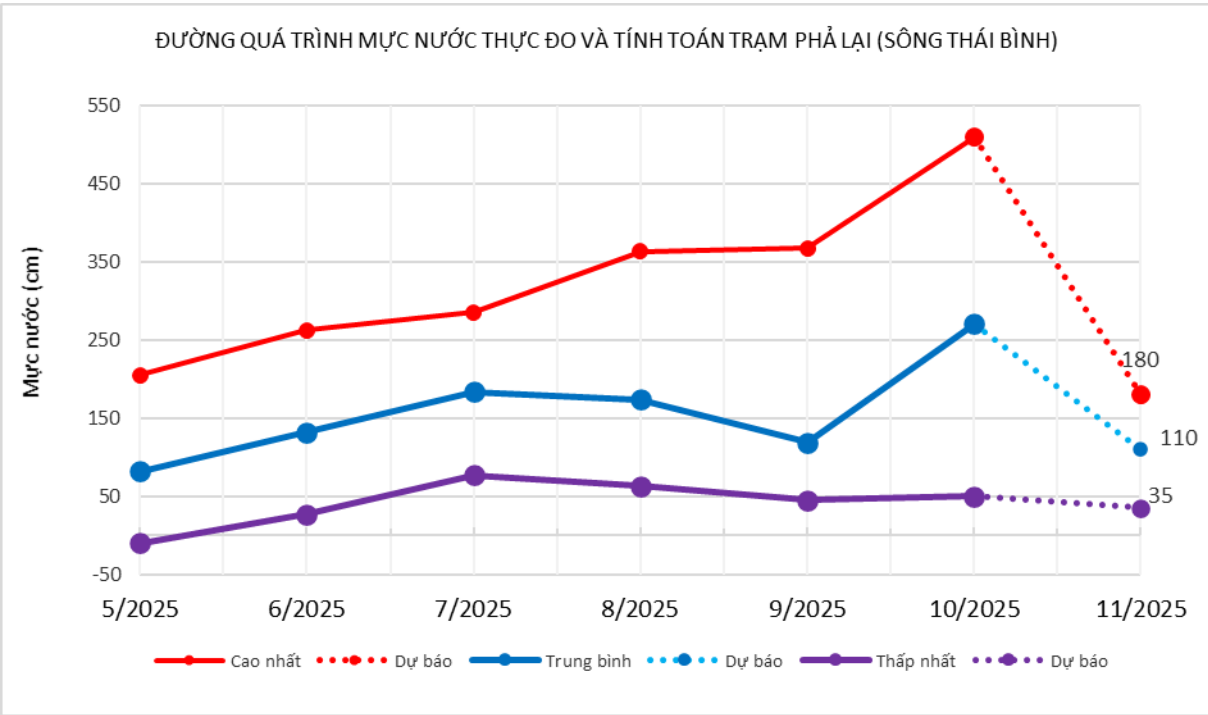
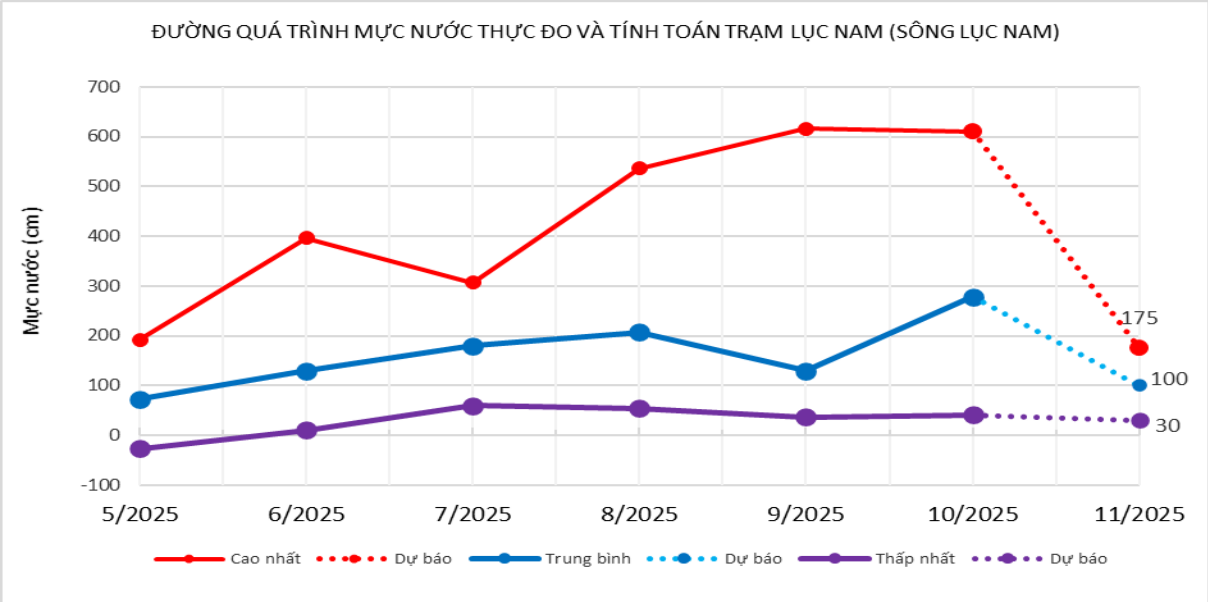
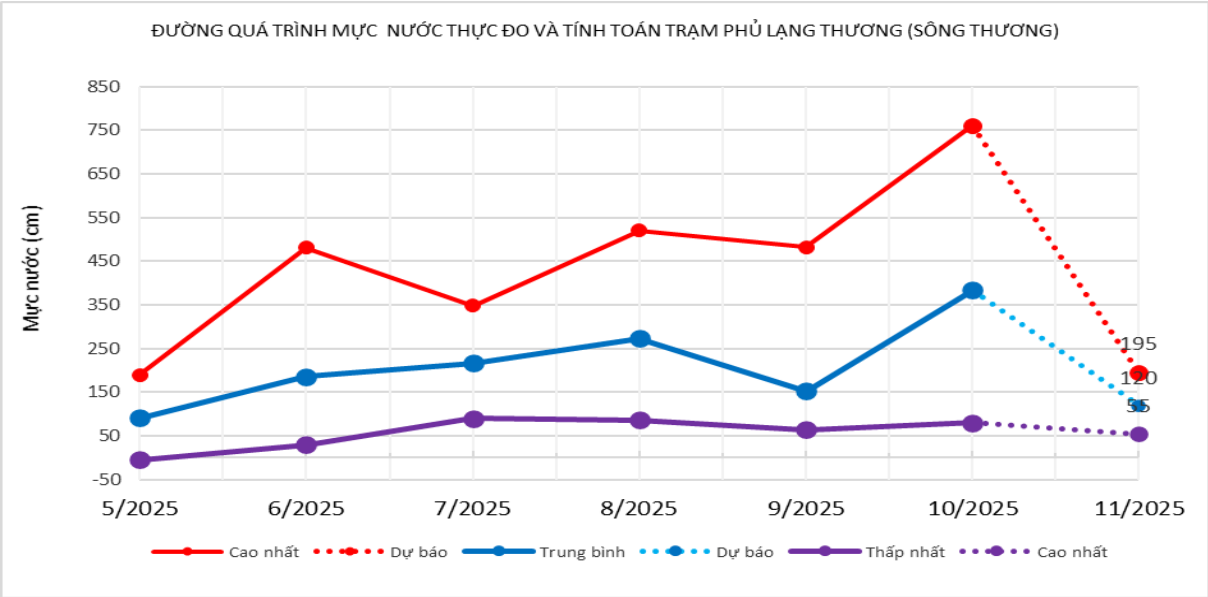
- Trên sông Cầu và sông Thương, hai đợt lũ lớn liên tiếp xuất hiện cách nhau 8-10 ngày. Đỉnh lũ các trạm trong cả 02 đợt đều đạt trên mức báo động 3. Đỉnh lũ cao nhất tại một số trạm trên sông Cầu, sông Thương đã vượt mức lũ lịch sử tháng 9/2024. Ngập lụt đã xảy ra trên diện rộng khắp các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh và một phần thuộc thành phố Hà Nội.
- Trên sông Lục Nam, mực nước lũ cao nhất trong đợt đầu ở mức xấp xỉ BĐ3, trong đợt 02 ở mức BĐ2.
- Trên sông Thái Bình, đỉnh lũ cao nhất xuất hiện ở đợt lũ trước và ở trên mức BĐ2.

Chi tiết trị số đặc trưng lũ trong phụ lục bản tin.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 11, mực nước tại các trạm thượng lưu và trung lưu các sông trên hệ thống sông Thái Bình phổ biến biến đổi chậm. Các trạm hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Đặc trưng mực nước dự báo tại các trạm theo từng thời đoạn chi tiết trong bảng phụ lục.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên lưu vực các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày đầu tháng 10, mực nước các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm dần. Mực nước thượng lưu các sông ở Thanh Hóa biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Từ ngày 31/10, các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện một đợt lũ.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 10, trên các sông đã xuất hiện 2 đợt lũ từ ngày 21-25/10 và từ ngày 26-31/10.

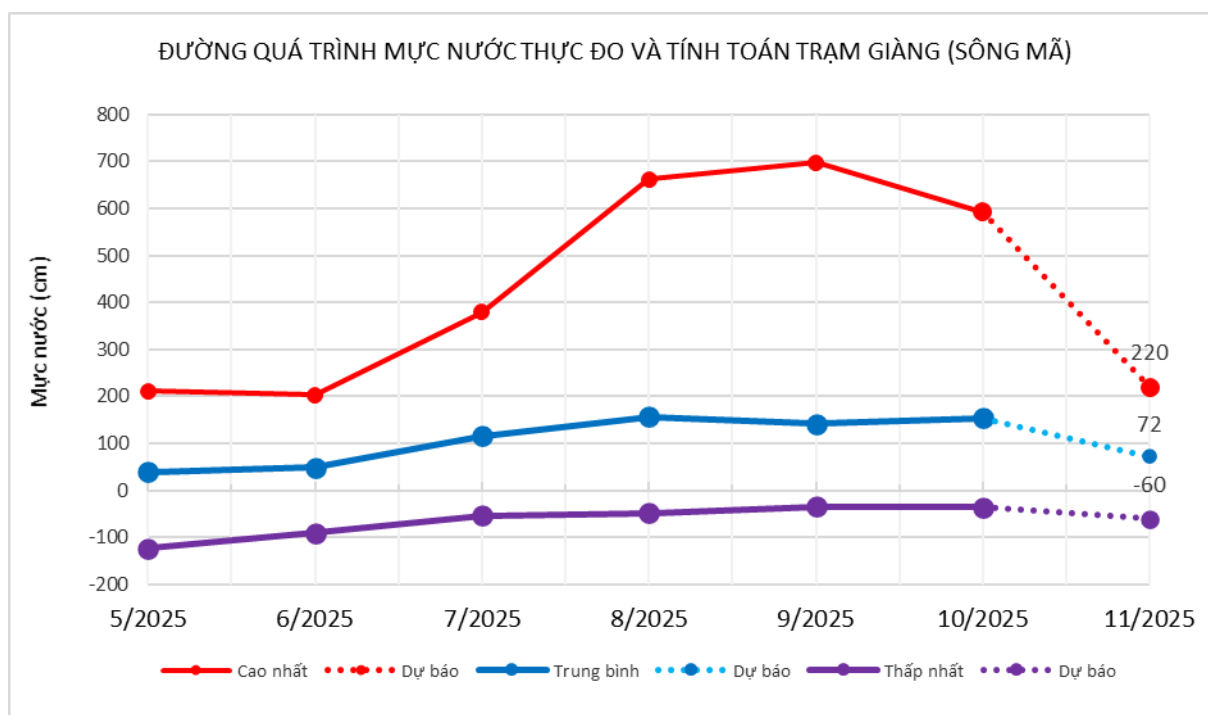
- Đợt 1: Đỉnh lũ trên sông Kiến Giang (Quảng Trị), sông Hương và sông Bồ (Thừa Thiên Huế) ở mức BĐ1-BĐ2.

- Đợt 2: Trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế đã xuất hiện 1 đợt lũ, riêng trên sông Bồ và sông Hương (TP Huế) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Bồ tại trạm Phú Ốc 5,27m (18h/29/10), trên BĐ3 0,77m, vượt lũ lịch sử năm 2020 (5,24m), trên sông Hương tại trạm Kim Long 5,05m (20h/27/10), trên BĐ3 1,55m, các sông khác ở mức BĐ2-BĐ3.

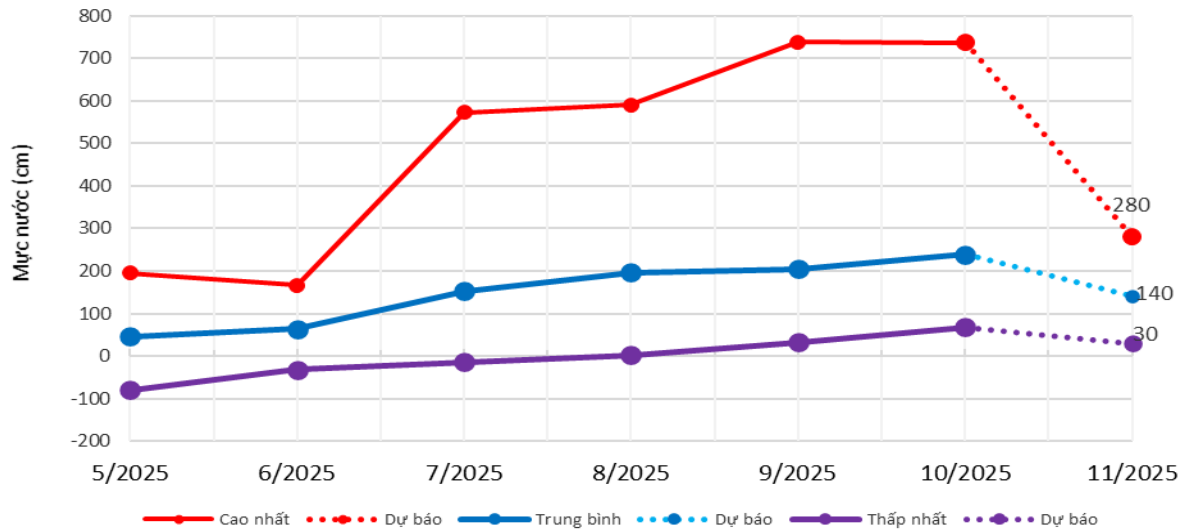
b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Những ngày đầu tháng 11, lũ trên các sông ở Hà Tĩnh tiếp tục lên; đỉnh lũ trên sông Ngàn Sâu ở mức BĐ2-BĐ3, hạ lưu sông La ở mức BĐ1-BĐ2. Trong tháng 11, các sông ở Hà Tĩnh khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ; các sông khác có dao động, hạ lưu biến đổi theo triều.

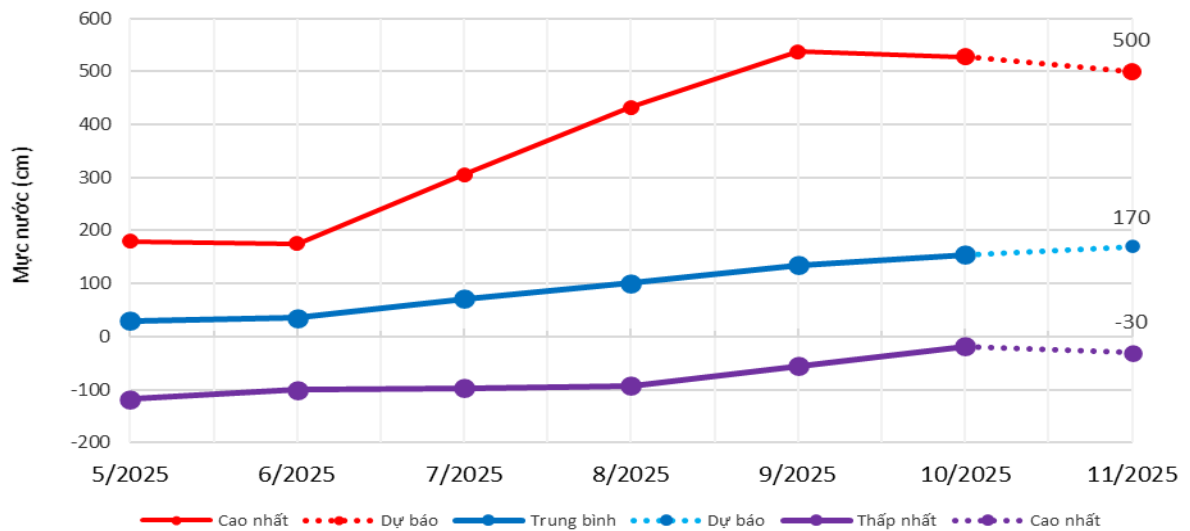
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Tháng 11/2025, trên các sông trong khu vực khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên mức BĐ3.



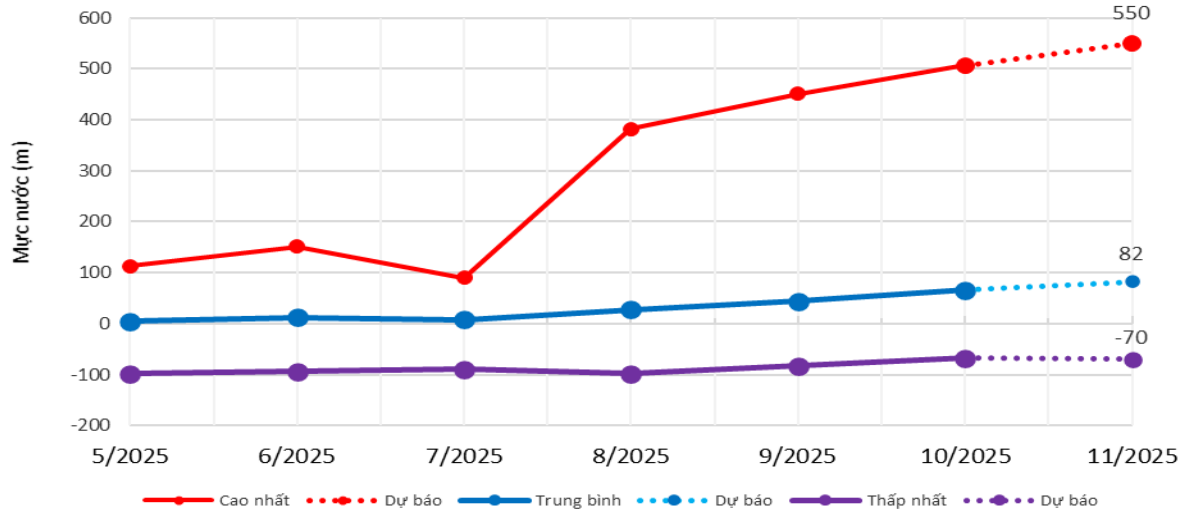
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)

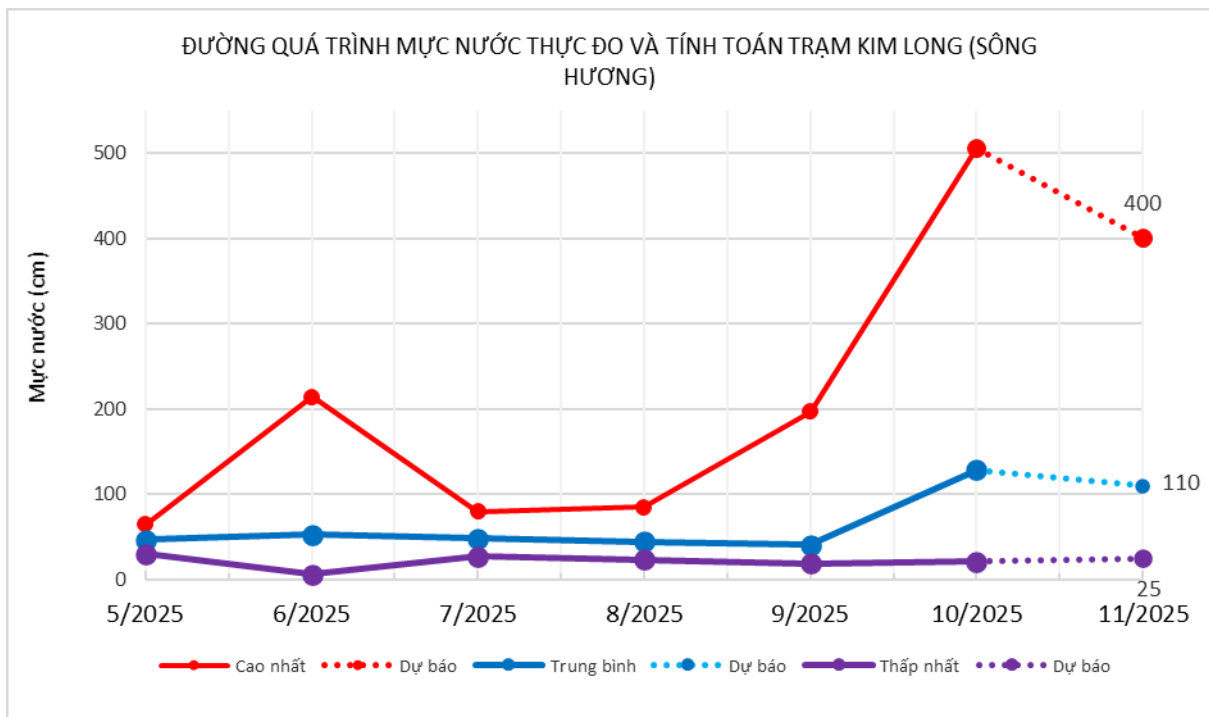


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 26-31/10, trên các sông từ Tp Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 1 đợt lũ lớn, riêng trên sông Vu Gia-Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại trạm Ái Nghĩa 10,60m (19h/29/10), trên BĐ3 1,60m, trên sông Thu Bồn tại trạm Câu Lâu 5,62m (02h/30/10), trên BĐ3 1,62m, vượt lũ lịch sử năm 1964 (5,48m), đỉnh lũ các sông Trà Khúc tại trạm Trà Khúc và sông Vệ tại trạm Sông Vệ (Quảng Ngãi) đỉnh lũ ở mức BĐ3 từ 0,38-1,37m.

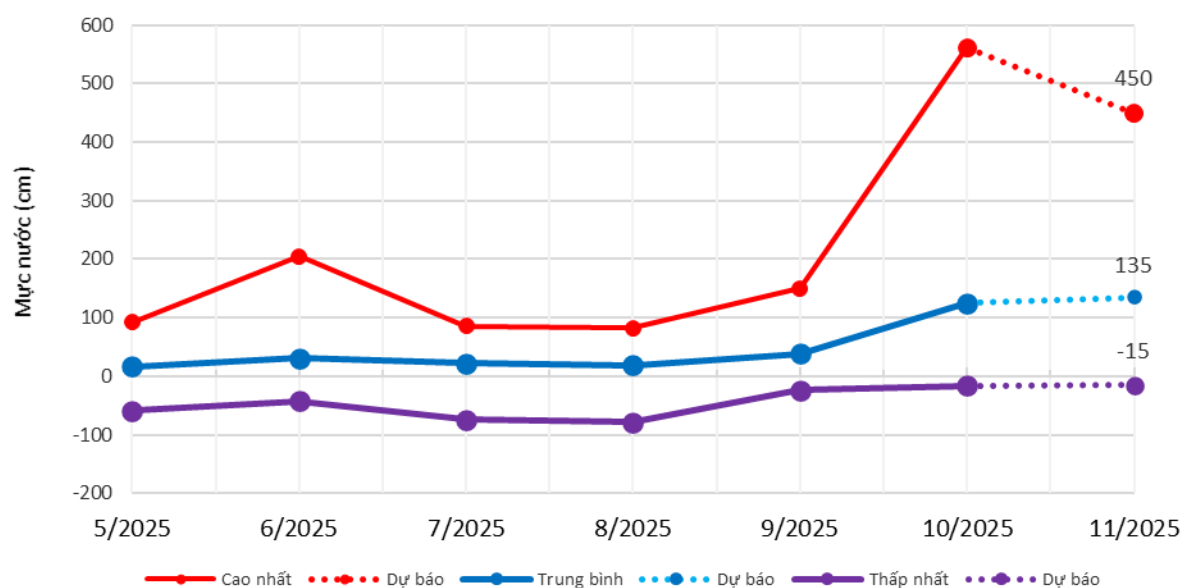
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 10, trên các sông đã xuất hiện 1-3 đợt lũ với biên độ lên từ 1,5-4,5m, đỉnh lũ các sông phổ biến trên và dưới mức BĐ1. Riêng lũ trên sông Dinh Ninh Hòa tại trạm Ninh Hòa, đỉnh lũ ở mức 5,33m (23h/16/10) dưới mức BĐ3 0,17m; trên sông Lũy tại trạm sông Lũy đỉnh lũ đạt 29,49m (5h/28/10) trên BĐ3 0,99m và vượt mức lũ lịch sử năm 1996 0,33m. Đỉnh lũ trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa 6,42m (7h/30/10) trên BĐ1 0,42m. Hạ lưu sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

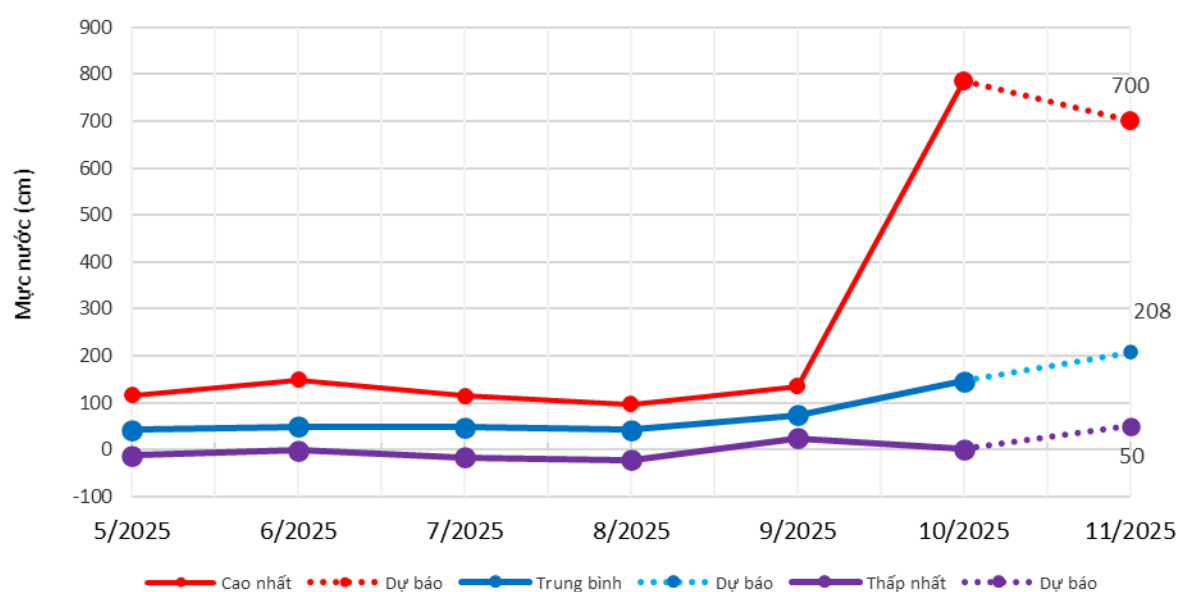
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 11/2025, trên các sông trong khu vực có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ2- BĐ3, có sông trên mức BĐ3

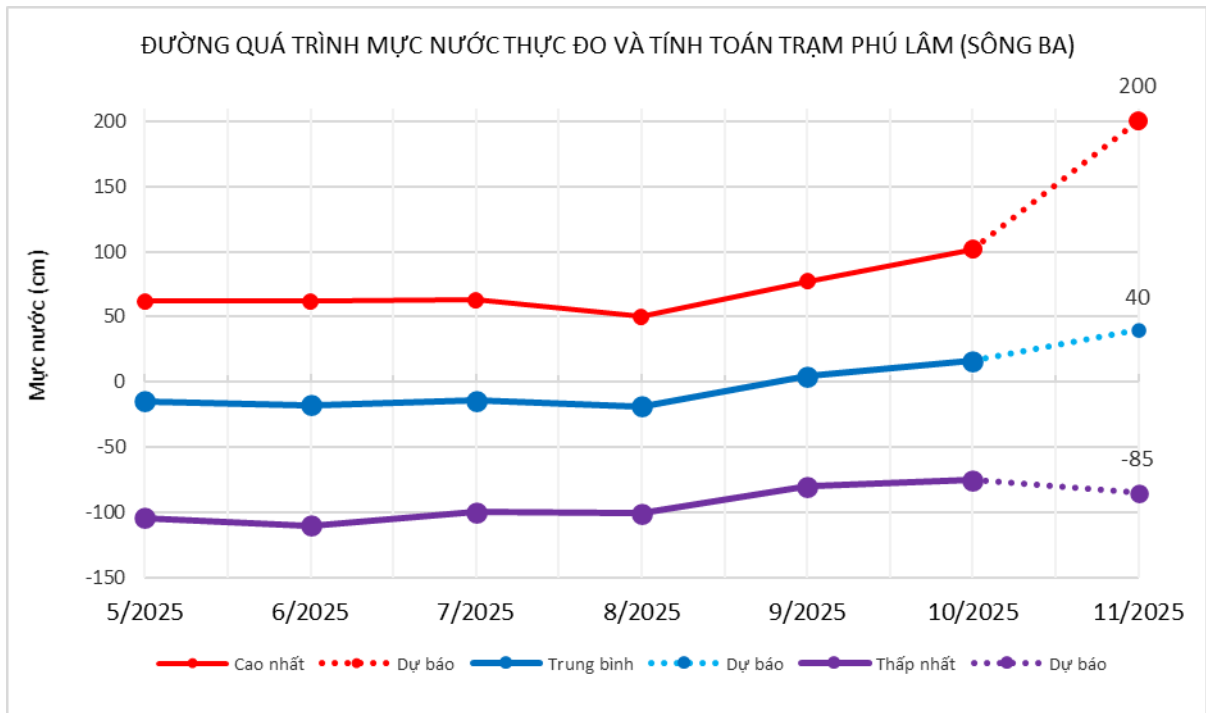
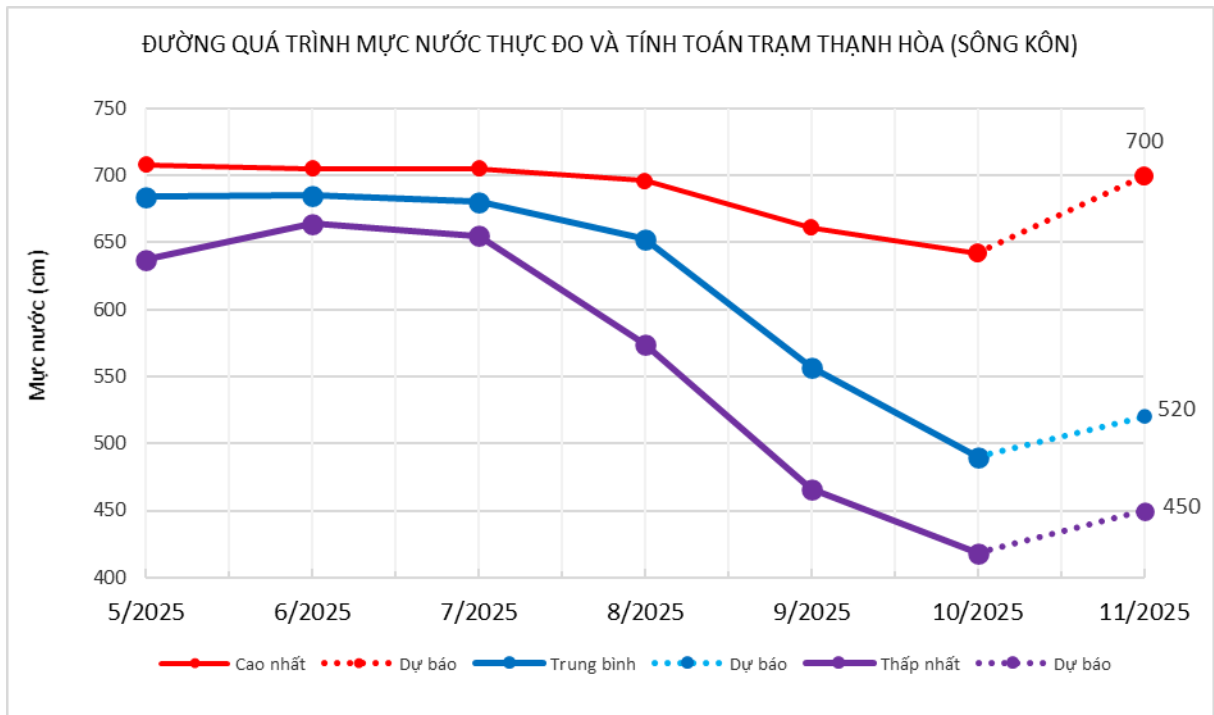
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng tới, mực nước trên các sông tiếp tục có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ và dao động, đỉnh lũ trên các sông có khả năng đạt mức BĐ1- BĐ2, các sông, suối nhỏ có khả năng lên mức BĐ3.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LÂU (SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)





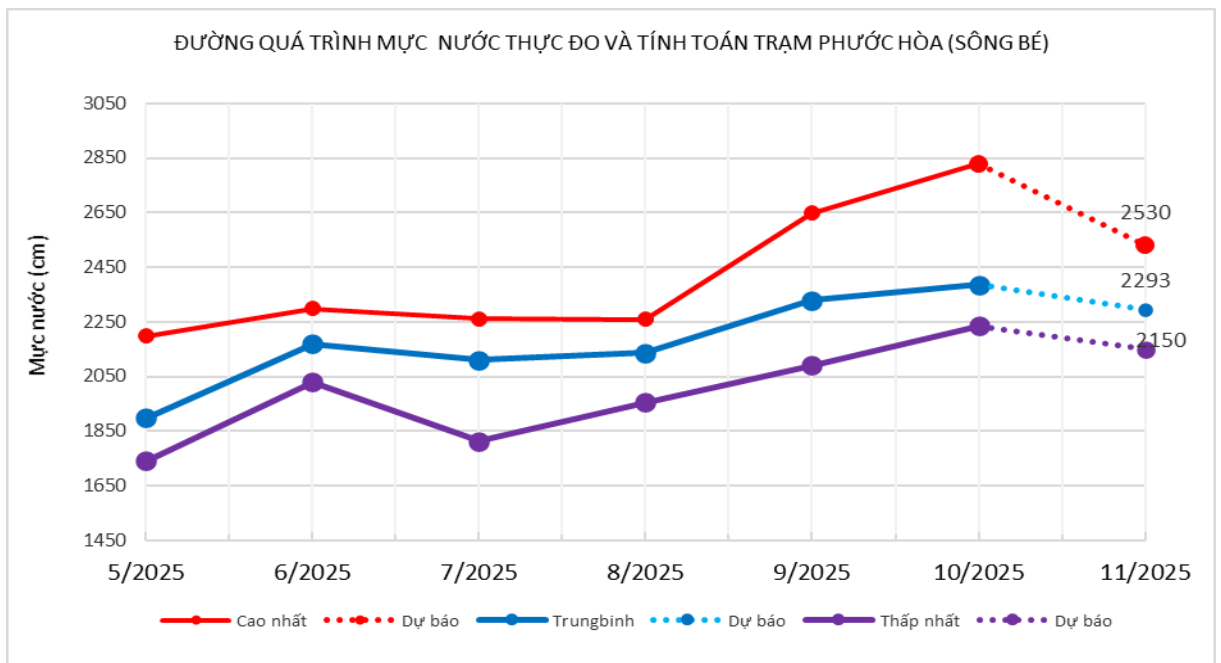
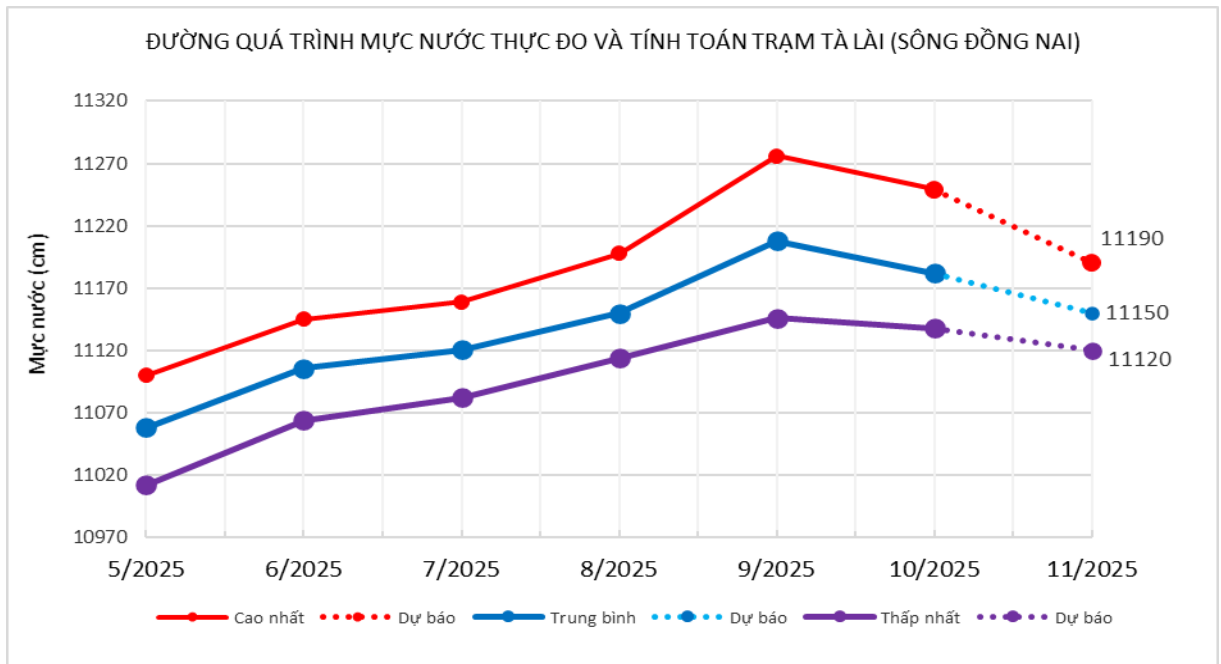
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài dao động ở mức cao, sau đó xuống. Đỉnh lũ lớn nhất tại trạm Tà Lài 112,49m (01h/01/10) dưới BĐ2 0,01m. Trên sông Bé xuất hiện 01 đợt lũ, đỉnh lũ tại trạm Phước Hòa 28,30m (09h/24/10), trên BĐ1 0,3m.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên sông Đồng Nai, sông Bé mức nước biến đổi chậm với xu thế xuống dần.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trên lưu vực sông Sê San đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên sông ĐắkBla tại trạm KonPlông là 594,5m (lúc 13 giờ ngày 29/10), ở mức BĐ3; tại trạm KonTum là 519,53m (lúc 18 giờ ngày 29/10), trên BĐ2 0,03m; sông Pô Kô tại trạm Đắk Môt là 586,04m (lúc 17 giờ ngày 29/10), dưới BĐ3 0,46m.

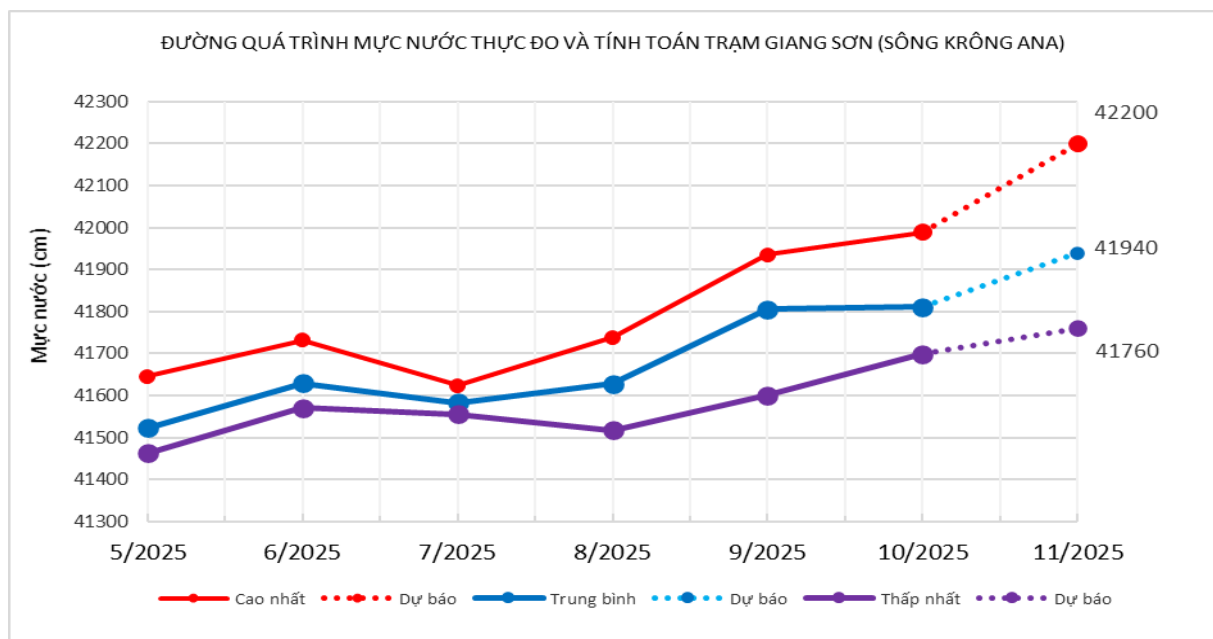
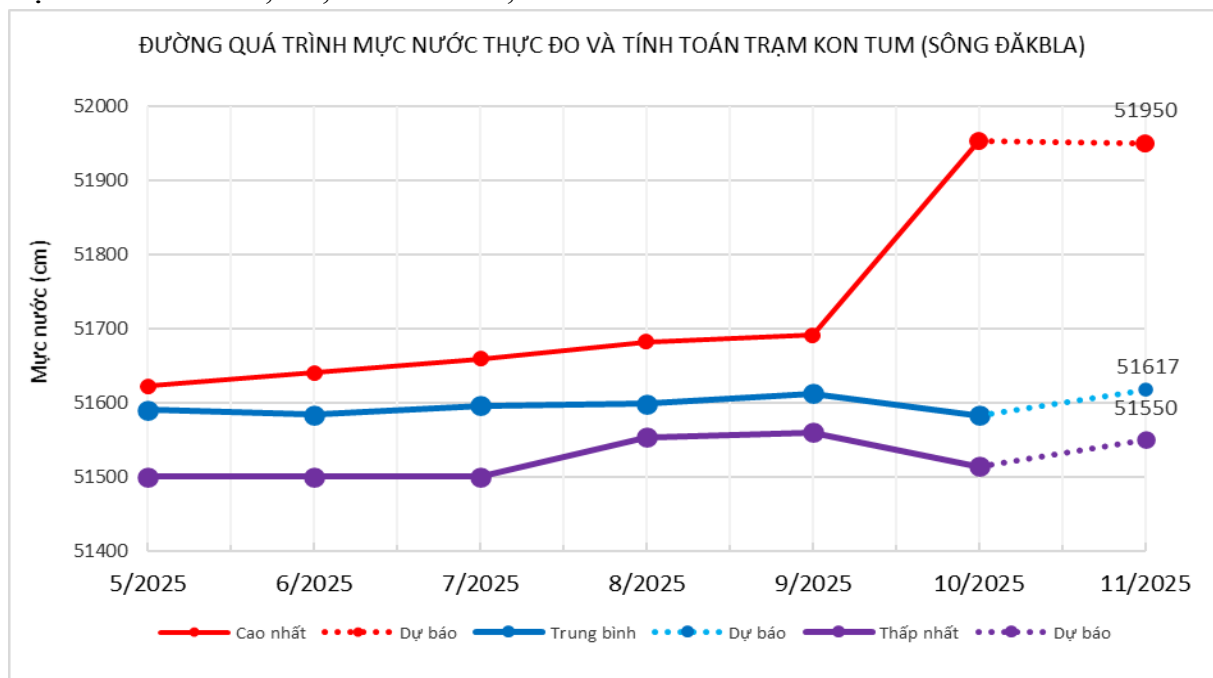
- Đầu tháng, mực nước hạ lưu sông Srêpôk dao động trên mức BĐ1 do vận hành điều tiết của hồ thủy điện. Mực nước tại trạm Bản Đôn lên trên mức BĐ1 0,29m (23 giờ ngày 05/10). Mực nước trên sông Krông Ana dao động theo xu thế lên, các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.

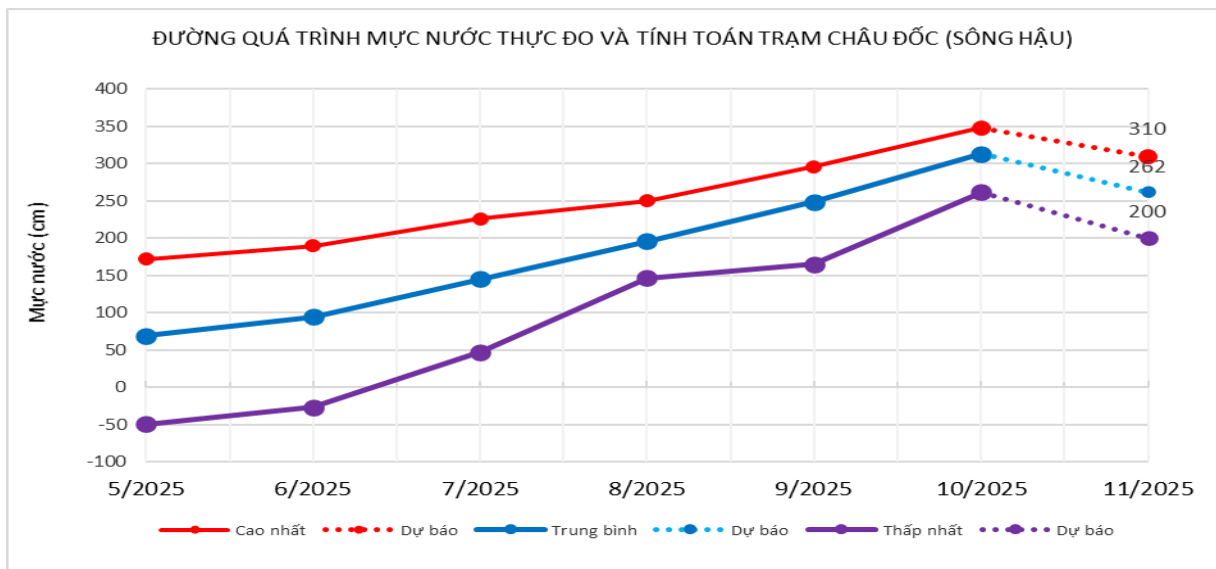
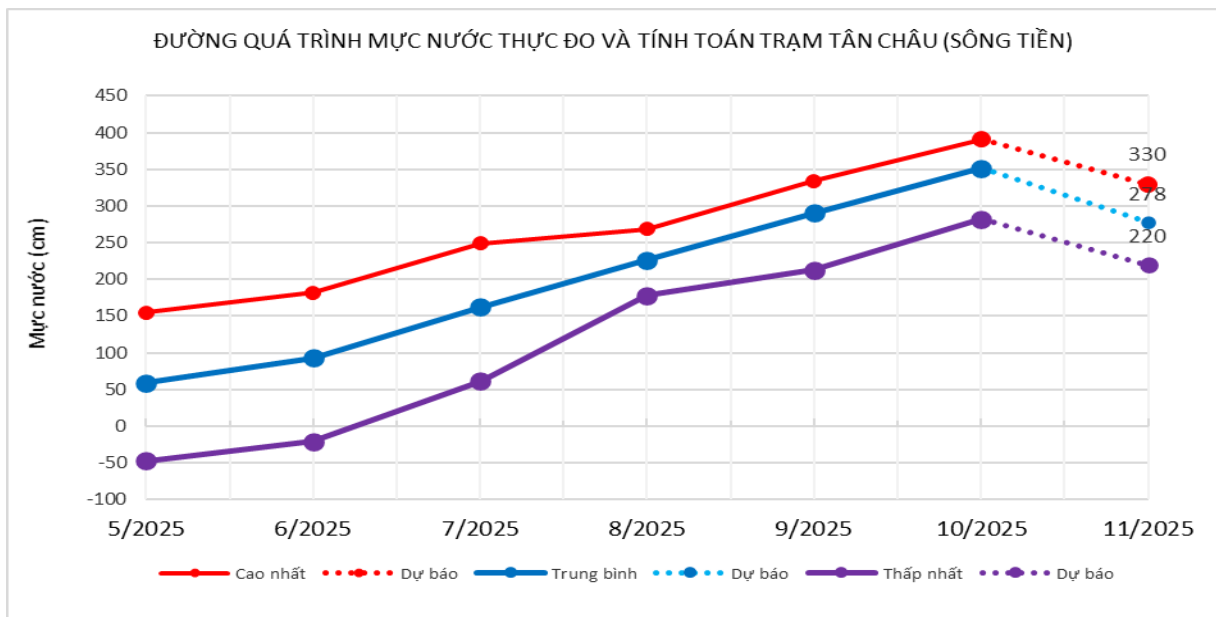
- Sông Cửu Long: Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần và đạt đỉnh vào ngày 09/10, sau đó xuống. Mức nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,91m (ngày 09/10), dưới BĐ2 0,09m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,48m (ngày 09/10), dưới BĐ2 0,02m.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ, đỉnh lũ ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2. Mức nước các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

- Mức nước sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mức nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 3,3m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,1m, trên BĐ1 0,1m.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/12/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	2712	7082	40	1300	2700	40	950	2500	40	750	2200	40	1000	2700	40
Thao	Yên Bái	2721	3381	2493	2505	2600	2450	2500	2580	2445	2490	2560	2440	2498	2600	2440
Thao	Phú Thọ	1388	1710	1248	1225	1300	1200	1215	1280	1190	1210	1260	1180	1216	1300	1180
Lô	Tuyên Quang	1857	2634	1321	1400	1680	1310	1390	1600	1280	1380	1590	1200	1390	1680	1200
Lô	Vụ Quang	1191	1973	513	600	700	535	580	695	530	590	700	520	590	700	520
Cầu	Đáp Cầu	499	752	102	140	190	75	120	155	60	115	130	50	130	190	50
Thương	Phủ Lạng Thương	512	760	80	135	195	65	115	160	55	115	135	55	120	195	55
Lục Nam	Lục Nam	325	610	41	110	175	35	90	140	35	95	125	30	100	175	30
Hồng	Hà Nội	484	956	152	150	260	100	130	250	90	110	230	80	130	260	80
Thái Bình	Phả Lại	312	509	50	125	180	45	105	150	40	100	130	35	110	180	35
Mã	Giàng	153	592	-36	80	170	-50	70	220	-50	65	210	-60	72	220	-60
Cả	Nam Đàn	239	737	68	180	280	100	140	220	45	100	200	30	140	280	30
La	Linh cảm	155	528	-18	250	500	130	90	205	-20	170	280	-30	170	500	-30
Giang	Mai Hóa	69	507	-68	150	550	-45	60	320	-50	35	200	-70	82	550	-70
Hương	Kim Long	128	505	21	185	400	85	94	250	50	50	160	25	110	400	25
Thu Bồn	Câu Lâu	127	562	-16	205	450	20	125	350	5	74	200	-15	135	450	-15

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày đầu			10 ngày đầu			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Trà Khúc	Trà Khúc	145	787	1	280	700	105	195	500	80	150	350	50	208	700	50
Kôn	Thanh Hòa	492	642	418	500	650	450	510	650	450	550	700	480	520	700	450
Đà Rằng	Phú Lâm	18	102	-75	35	100	-80	40	150	-85	45	200	-85	40	200	-85
Đăkbla	Kon Tum	51601	51953	51514	51635	51950	51580	51620	51800	51560	51595	51680	51550	51617	51950	51550
Krông Ana	Giang Sơn	41810	41988	41699	42060	42200	41960	41930	42120	41870	41830	41950	41760	41940	42200	41760
Bé	Phước Hòa	2384	2830	2234	2340	2530	2250	2290	2450	2200	2250	2350	2150	2293	2530	2150
Đồng Nai	Tà Lài	11182	11249	11138	11155	11190	11130	11150	11180	11125	11145	11160	11120	11150	11190	11120
Tiền	Tân Châu	352	391	285	295	330	270	280	315	250	260	300	220	278	330	220
Hậu	Châu Đốc	314	348	264	275	310	252	265	295	240	245	280	200	262	310	200